

BÀO CHỮA, BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG DƯỚI 18 TUỔI THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

NGÔ THỊ VÂN ANH
Khoa Pháp luật hình sự,
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 25/5/2021. Sửa chữa xong 28/5/2021. Duyệt đăng 5/6/2021.

Abstract

Guarantee of right of defense, protection of legal rights and interests of participants in legal proceedings under 18 is one of the new basic principles provided in the 2015 Criminal Procedure Code. The paper focuses on introducing the new provisions of the 2015 Criminal Procedure Code; protection of legitimate rights and interests of aggrieved, witness testifiers who are under 18; making some suggestions for amending, supplementing some provisions of the 2015 Criminal Procedure Code related to the above contents and other suggestions.

Keywords: *Accused, aggrieved, witness testifiers, persons under 18, defend, protect legitimate rights and interests.*

1. Quyền bào chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi

Một trong những quyền quan trọng của người bị buộc tội đó chính là quyền bào chữa. Đây là quyền Hiến định được tất cả các bản Hiến pháp cũng như tất cả các Bộ luật Tố tụng hình sự của nước ta ghi nhận. Riêng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi (nhóm người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hẳn một chương riêng quy định về thủ tục tố tụng dành cho họ. Đây là quy định phù hợp với Công ước quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989 mà Việt Nam là thành viên: “Các quốc gia thành viên phải tìm cách thúc đẩy việc thiết lập những đạo luật, thủ tục, các cơ quan và thể chế áp dụng riêng cho những trẻ em bị tình nghi, bị cáo buộc hay bị xác nhận là vi phạm pháp luật hình sự”⁽¹⁾.

Quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi bao gồm quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa và quyền được bào chữa chỉ định. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “1. Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa; 2. Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người dưới 18 tuổi bị buộc tội. 3. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này”⁽²⁾. Ngoài ra, các quy định khác về quyền bào chữa được quy định trong các Chương khác vẫn được áp dụng nếu không trái với quy định của Chương XVIII.

Trên cơ sở kế thừa những điểm tiến bộ của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều thay đổi cơ bản về quyền bào chữa, nhằm cụ thể hóa tinh thần Hiến pháp năm 2013 và bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dưới 18 tuổi, thể hiện qua những quy định cụ thể sau:

1.1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 mặc dù đã ghi nhận quyền bào chữa của người chưa thành

1) Khoản 3 Điều 40 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989.

2) Điều 422 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

niên nhưng không quy định nội dung này thành nguyên tắc. Lần đầu tiên Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận những “nguyên tắc tiến hành tố tụng” đối với người dưới 18 tuổi tại Điều 414. Một trong số những nguyên tắc đó có nguyên tắc “bảo đảm quyền bào chữa... của người dưới 18 tuổi”³⁾. “Việc ghi nhận các nguyên tắc này được đánh giá là điểm đổi mới rất cơ bản về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện tối đa bảo vệ quyền và lợi ích của người chưa thành niên trong hoạt động tố tụng giải quyết án hình sự, vốn là các hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, có tính cưỡng chế và nghiêm khắc” [1]. Theo đó, tất cả các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền bào chữa của người dưới 18 tuổi.

1.2. So với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, chủ thể có quyền bào chữa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được mở rộng hơn. Không chỉ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mà người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt cũng có quyền bào chữa. Điều đó có nghĩa là quyền bào chữa của người bị buộc tội trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xuất hiện sớm hơn so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Nếu như theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, một người bị buộc tội sẽ có quyền bào chữa kể từ khi họ bị tạm giữ thì theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyền bào chữa đã phát sinh kể từ thời điểm một người bị bắt được đưa về trụ sở cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Điều 58 và Điều 74 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015). Đồng thời, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam phải thông báo cho người đại diện biết (Khoản 5, Điều 419 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015). Việc thông báo cho người đại diện sẽ giúp họ nắm được những thông tin cần thiết và có sự chuẩn bị những điều kiện tốt nhất để bảo đảm quyền lợi cho người mà họ đại diện (trong đó có quyền bào chữa).

1.3. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 mở rộng diện người bào chữa gồm cả trợ giúp viên pháp lý để bào chữa miễn phí cho người dưới 18 tuổi thuộc diện chính sách (Khoản 2, Điều 72). Trước đây, bào chữa viên nhân dân tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Tuy nhiên, “thực tiễn quá trình triển khai các hoạt động nghiệp vụ tố tụng trong những năm qua, đội ngũ trợ giúp viên pháp lý gặp không ít khó khăn xuất phát từ việc tư cách trợ giúp viên pháp lý chưa được ghi nhận tại văn bản tố tụng cao nhất là Bộ luật Tố tụng hình sự. Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp, khi thực hiện các hoạt động tố tụng, trợ giúp viên pháp lý thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp, do đó có hạn chế hơn so với quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, dẫn đến quá trình tác nghiệp chưa được bảo đảm. Thậm chí, ở một số nơi, cơ quan tiến hành tố tụng từ chối trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho người được trợ giúp pháp lý. Chính vì vậy, để khắc phục được những hạn chế đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã ghi nhận trợ giúp viên pháp lý với tư cách là người bào chữa tạo ra sự thống nhất trong quá trình thực hiện về hoạt động trợ giúp pháp lý trong tố tụng hình sự” [4].

1.4. Về phía người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có những yêu cầu cụ thể, chặt chẽ hơn. Bởi vì, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có nhiệm vụ áp dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để xác minh sự thật của vụ án, chứng minh tội phạm và xử lý người phạm tội. Quyền bào chữa của người bị buộc tội chỉ có thể trở thành thực quyền khi họ thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình [2]. Nhất là trong những vụ án mà người bị buộc tội là những người còn chưa phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần. Chính vì vậy, Điều 415 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định, người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo

3) Khoản 5, Điều 414, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

dục đối với người dưới 18 tuổi. Trong khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 chỉ “yêu cầu” người tiến hành tố tụng đối với vụ án có người dưới 18 tuổi là người “có hiểu biết” về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên. Việc xác định một người như thế nào là người “có hiểu biết” về tâm lý học... rất khó, thế nên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định rõ và đề cao việc chú trọng đào tạo những cán bộ là những người sẽ tiến hành tố tụng trong vụ án có người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi của họ một cách tốt nhất.

1.5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa được thay bằng thủ tục đăng ký bào chữa nhằm đơn giản hóa và tạo điều kiện dễ dàng cho người bào chữa tham gia tố tụng. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bào chữa quy định tại khoản 5 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký bào chữa và phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

1.6. Việc chỉ định người bào chữa cho người dưới 18 tuổi được thực hiện theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đồng thời, người bào chữa cũng có thể bị thay đổi hoặc từ chối theo quy định tại Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Người bị buộc tội, người đại diện của người bị buộc tội, người thân thích của người bị buộc tội có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa. Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong giai đoạn điều tra có đề nghị từ chối người bào chữa do người thân thích của họ nhờ thì Điều tra viên phải cùng người bào chữa đó trực tiếp gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để xác nhận việc từ chối. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người bị buộc tội và người đại diện hoặc người thân thích của họ vẫn có quyền yêu cầu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa. Nếu thay đổi người bào chữa thì việc chỉ định người bào chữa khác được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Còn từ chối người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập biên bản về việc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội hoặc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và chấm dứt việc chỉ định người bào chữa.

2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi

Quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi được quy định tại Chương XVIII Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Ngoài ra, cũng giống như người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, nếu như các quy định tại chương khác không trái với quy định tại Chương XVIII thì vẫn được áp dụng. Đây là quy định mới hoàn toàn so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 vì trước đây, phạm vi áp dụng thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên chỉ dành cho người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Riêng đối với người bị hại là người dưới 18 tuổi, kể từ năm 2016, họ đã được áp dụng thủ tục tố tụng thân thiện thông qua việc thành lập mô hình Tòa Gia đình và Người chưa thành niên. Một trong những thẩm quyền của tòa chuyên trách này là giải quyết các vụ án hình sự mà người bị hại là người dưới 18 tuổi bị tổn thương nghiêm trọng về tâm lý hoặc cần sự hỗ trợ về điều kiện sống, học tập do không có môi trường gia đình lành mạnh như những người dưới 18 tuổi khác. Mặc dù vậy, quy định này chưa bao quát hết các thủ tục tố tụng hình sự được áp dụng đối với họ mới chỉ chủ yếu tập trung vào hoạt động xét xử. Như vậy, nếu như trong vụ án hình sự có người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi mà không quy định những thủ tục thân thiện đối với

họ trong khi họ cũng được coi là nhóm dễ bị tổn thương thì việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ cũng không đạt hiệu quả.

Để khắc phục hạn chế của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định một số thủ tục tố tụng riêng đối với nhóm chủ thể đặc thù này.

2.1. Việc lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi bắt buộc phải có sự tham gia của người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Khi lấy lời khai người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước thời gian, địa điểm lấy lời khai cho người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Trong quá trình lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng phải có người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ tham dự (Khoản 1, Khoản 2 Điều 421). Quy định phải thông báo trước cho người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tạo điều kiện cho họ chuẩn bị các điều kiện cần thiết để có thể tham dự trong buổi lấy lời khai nhằm tạo tâm lý ổn định cho người bị hại, người làm chứng. Sự tham gia này là bắt buộc, nhất là trong những vụ án mà bị hại hoặc người làm chứng là người rất nhỏ tuổi thì phải có sự tham gia của họ mới có thể làm việc được.

Thời gian lấy lời khai người dưới 18 tuổi cũng bị giới hạn không quá hai lần trong một ngày và mỗi lần không quá hai giờ, trừ trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp (Khoản 4 Điều 421). Điều này giúp hạn chế việc lấy lời khai quá nhiều lần nếu không cần thiết sẽ gây ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý cũng như sức khỏe của người làm chứng, người bị hại. Từ đó, ảnh hưởng đến kết quả của việc lấy lời khai.

2.2. Việc đối chất giữa người bị hại là người dưới 18 tuổi với bị can, bị cáo chỉ được tiến hành khi thực sự cần thiết. Khi cần làm sáng tỏ tình tiết của vụ án và trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới được tiến hành đối chất (Khoản 6 Điều 421). Như vậy, ngay cả khi trong lời khai của họ có sự mâu thuẫn với nhau thì việc đối chất cũng chưa chắc được thực hiện nếu vẫn có thể giải quyết vụ án hình sự bằng cách khác. Mục đích của nhà làm luật quy định như vậy để tránh việc người bị hại phải đối diện với bị can, bị cáo. Tránh gây ra những tác động không mong muốn đến tâm lý của người bị hại, nhất là trong những vụ án hình sự mà bị can, bị cáo để lại quá nhiều ám ảnh cho người bị hại như đánh đập, hiếp dâm, cưỡng dâm...

2.3. Các quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi cũng hướng đến việc tổ chức một mô hình thân thiện. Cụ thể:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên hoặc người có kinh nghiệm, hiểu biết tâm lý người dưới 18 tuổi.

- Trường hợp đặc biệt cần bảo vệ bị hại là người dưới 18 tuổi thì Tòa án có thể quyết định xét xử kín.

- Việc xét hỏi, tranh luận bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, mức độ phát triển của họ. Phòng xử án được bố trí thân thiện, phù hợp với người dưới 18 tuổi.

- Đối với vụ án có bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi, Hội đồng xét xử phải hạn chế việc tiếp xúc giữa bị hại, người làm chứng với bị cáo khi bị hại, người làm chứng trình bày lời khai tại phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hỏi bị hại, người làm chứng.

Tất cả những quy định này đều nhằm mục đích tạo tâm lý thoải mái, giảm thiểu những áp lực và cảm giác sợ hãi của những người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi khi bắt đầu dĩ họ bị cuốn vào vòng quay của tố tụng hình sự. Từ đó, việc giải quyết vụ án hình sự mới có thể diễn ra một cách suôn sẻ, đạt hiệu quả cao.

3. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về quyền bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, người làm chứng và một số kiến nghị khác

3.1. Sửa đổi, bổ sung Điều 422 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về bào chữa

3.1.1. Tại Khoản 1 Điều 422 quy định người bị buộc tội là “người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa”. Quy định này không hợp lý vì nếu dùng chữ “hoặc” thì chúng ta sẽ hiểu là người bị buộc tội chỉ có thể chọn một trong hai, hoặc là tự bào chữa cho mình, hoặc là nhờ người khác bào chữa chứ không thể đồng thời vừa tự bào chữa cho mình nhưng cũng có thể nhờ người khác bào chữa. Như vậy, quyền bào chữa của người bị buộc tội sẽ bị hạn chế rất nhiều. Để rõ ràng cũng như đảm bảo tốt nhất quyền bào chữa của người bị buộc tội, chúng tôi đề xuất bỏ chữ “hoặc” và thay vào đó bằng chữ “và”.

3.1.2. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, ngoài các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan khác như Hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển... cũng được tiến hành một số hoạt động điều tra. Thế nhưng, Khoản 3 Điều 422 Bộ luật Tố tụng hình sự lại không quy định cho các cơ quan này có thẩm quyền chỉ định người bào chữa. Theo chúng tôi đây là một điểm chưa hợp lý vì trong một số trường hợp, các cơ quan này sẽ có thẩm quyền điều tra toàn bộ. Nếu không quy định cho họ có thẩm quyền chỉ định người bào chữa thì chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi họ trực tiếp giải quyết vụ án cần phải có người bào chữa chỉ định. Vì vậy, chúng tôi đề xuất thay cụm từ “cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án” thành “cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng”.

3.2. Bổ sung quyền thay đổi hoặc từ chối người bào chữa cho người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi

Khoản 1 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án” nhưng lại trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76. Đó là: Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Quan điểm của chúng tôi cho rằng, việc loại bỏ quyền được thay đổi hoặc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần là hợp lý. Bởi vì, khi bị rơi vào trạng thái tâm thần hoặc nhược điểm về thể chất ở mức độ nặng thì khả năng tự thực hiện quyền của họ rất hạn chế. Thế nhưng, đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi thì họ hoàn toàn có khả năng tự thực hiện quyền của mình, vì vậy, chúng ta cần trao cho họ quyền tự mình quyết định việc có từ chối hoặc thay đổi người bào chữa cho chính họ hay không. Chúng tôi đề xuất thay đổi cụm từ “trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này” thành “trừ trường hợp người bị buộc tội là người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần”.

3.3. Cần quy định bổ sung chế tài đối với những trường hợp nêu trên để bảo đảm quyền bào chữa cho người dưới 18 tuổi

Hiện nay chưa có bất kì một văn bản nào quy định về chế tài cho những cá nhân có hành vi cản trở việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi, cần quy định bổ sung chế tài đối với những trường hợp nêu trên để bảo đảm quyền bào chữa cho người dưới 18 tuổi.

3.4. Tiếp tục nâng cao năng lực cho người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là người trực tiếp giải quyết vụ án hình sự, hơn ai hết, họ phải am hiểu thấu đáo những quy định của pháp luật về quyền có người bào chữa. Họ có nghĩa vụ phải giải thích cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hiểu rõ quyền bào chữa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để quyền này được thực hiện có hiệu quả. Muốn vậy, ngoài việc nâng cao năng lực chuyên

môn, những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có ý thức tuân thủ và nhận thức một cách nghiêm túc và đúng đắn vấn đề này [3]. Đồng thời, tiếp tục chú trọng đào tạo người có thẩm quyền tiến hành tố tụng những kiến thức về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi.

Có thể thấy rằng, mặc dù vẫn còn những điểm chưa hợp lý nhưng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã góp phần bảo vệ tốt hơn quyền bào chữa của người bị buộc tội, quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, người làm chứng là người dưới 18 tuổi.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Hà, *Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên*, trong: "Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015", Nguyễn Hòa Bình chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr. 352.
2. Nguyễn Ngọc Chí, *Bào chữa cho các nhóm dễ bị tổn thương theo Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Sách chuyên khảo "Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong tố tụng hình sự", Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011, tr. 126.
3. Lương Thị Mỹ Quỳnh, *Hoàn thiện quy định về bảo đảm quyền có người bào chữa trong pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam*. Nguồn: <https://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/202>.
4. Thanh Trịnh, *Quy định về trách nhiệm thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng và các hoạt động triển khai*. Nguồn: <https://trogiupphaply.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/quy-dinh-ve-trach-nhiem-thuc-hien-tro-giup-phap-ly-trong-hoat-dong-to-tung-va>.

MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH...

Tiếp theo trang 87

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư, đặt hoặc dự kiến đặt văn phòng điều hành để thực hiện dự án đầu tư cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư sau đây:

- a) Dự án đầu tư thực hiện tại 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;
- b) Dự án đầu tư thực hiện ở trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế;
- c) Dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế nơi chưa thành lập Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc không thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế".

Với sửa đổi này, quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư năm 2020 đã xác định rõ ràng thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư và hoàn toàn không cần phải được hướng dẫn thi hành trong Nghị định của Chính phủ mà các địa phương, các nhà đầu tư vẫn có thể dễ dàng hiểu và áp dụng văn bản.

4. Kết luận

Thu hút đầu tư nói chung, đầu tư nước ngoài nói riêng luôn là mối quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, với những bất cập hiện nay trong quy định của các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài sẽ là những rào cản không nhỏ đến mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Do đó, vấn đề cần thiết hiện nay là cần phải có sự rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan đến vấn đề này nhằm hướng đến một hệ thống pháp luật hoàn thiện, thu hút hơn nữa các nhà đầu tư nước ngoài tìm đến đầu tư tại Việt Nam. Hy vọng rằng với những đề xuất của tác giả trong bài viết sẽ góp phần nhỏ vào mục tiêu này của nước ta trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Đất đai (sửa đổi, bổ sung năm 2018).
2. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
3. Luật Đầu tư năm 2020.
4. Nghị định của Chính phủ số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
5. Bộ Kế hoạch đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài, *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 4 tháng đầu năm 2021*. Nguồn: <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=49850&idcm=208>, truy cập ngày 20/5/2021.